

Bản án số: 116/2022/DS-ST  
Ngày: 20-12-2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Lê Văn Đạo.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 205/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Trần Tuấn T**, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã PV, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

\* Bị đơn: 1/ **Võ Văn N**, sinh năm 1960.

2/ **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã PV, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Ông N, bà P có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 15/11/2022.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trần Tuấn T trình bày:

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2020, vợ chồng ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P có vay của ông Trần Tuấn T số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn trả tiền vay là 12 tháng. Việc vay tiền của hai bên có lập thành văn bản và bên vợ chồng ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P có ký tên vào hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2020. Sau khi ký hợp đồng vay tiền xong, bên ông T đã đưa cho bên ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, bên ông N, bà P đã đóng tiền lãi là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), với thời gian đóng lãi từ ngày 20/5/2020 đến ngày 20/10/2021. Sau đó, bên ông N, bà P ngưng không đóng lãi nữa, cũng không trả tiền vốn.

Ông Trần Tuấn T đã nhiều lần gặp bên ông N, bà P để đòi tiền vốn và tiền lãi nhưng bên ông N, bà P hẹn mà không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Tuấn T vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2022, cụ thể, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử buộc ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P phải liên đới hoàn trả cho ông T số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính tiền lãi số tiền trên.

(Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn T là hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2020, BL số 05).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2022, ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P là vợ chồng, đồng thời thừa nhận có Tieu nợ bên ông Trần Tuấn T số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), chữ ký N và chữ viết “Võ Văn N” là do ông N ký và viết ra, chữ ký “P” là do bà P ký ra. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên ông N, bà P không có tiền trả cho bên ông T, tuy nhiên đã đóng tiền lãi trên 02 năm, số tiền lãi bao nhiêu không nhớ nhưng không yêu cầu tính lãi lại.

Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án xét xử cho ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P trả dần số nợ nêu trên, khoảng 03 đến 04 tháng trả một lần, mỗi lần trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

\* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện quyền và N vụ đúng theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P. Buộc ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P phải liên đới hoàn trả cho ông Trần Tuấn T số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ghi nhận việc ông Trần Tuấn T tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt ông N, bà P là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 20 tháng 04 năm 2020, giữa ông Trần Tuấn T với ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P có ký “Hợp đồng vay tài sản” về việc ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P vay của ông T số tiền vốn là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%, thời hạn vay là 12 tháng, do đó, đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Bên bị đơn Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P thừa nhận chữ ký “N” và chữ viết “Võ Văn N” là do ông N ký và viết ra, chữ ký “P” là do bà P ký ra. Việc bị đơn Võ Văn N, Nguyễn Thị P đã nhận số tiền vay của nguyên đơn Trần Tuấn T, tuy nhiên, đến thời hạn thực hiện N vụ trả nợ nhưng không thực hiện trả tiền vốn và lãi cho bên nguyên đơn là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn Võ Văn N, Nguyễn Thị P thừa nhận còn nợ bên nguyên đơn Trần Tuấn T số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Tuấn T về việc yêu cầu ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P phải có N vụ liên đới hoàn trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Ghi nhận việc ông Trần Tuấn T tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

[4] Việc ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P cùng đồng ý ký tên vào hợp đồng vay tài sản, đồng thời đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị P cũng đồng ý liên đới với ông Võ Văn N hoàn trả nợ cho bên ông T là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Trong quá trình tố tụng, ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P có khai đã đóng lãi cho bên nguyên đơn Trần Tuấn T trên 02 năm, tuy nhiên, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đóng lãi là bao nhiêu tiền, đồng thời cũng không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn và yêu cầu khoảng 03 đến 04 tháng trả một lần, mỗi lần trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đến khi hết nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là cách thực hiện việc trả nợ nên không xem xét, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn T hành án.

[7] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn T được chấp nhận, do đó ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P phải có N vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm. Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tuấn T đối với ông Võ Văn N, bà Nguyễn Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.**

Bộ ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P phải liên đới hoàn trả cho ông Trần Tuấn T số tiền vốn vay còn Tếu là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ghi nhận việc ông Trần Tuấn T tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan T hành án có quyền chủ động ra quyết định T hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong, bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

Ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị P thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả lại cho ông Trần Tuấn T số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 2.792.250 đồng (Hai triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009272 ngày 13/7/2022 của Chi cục T hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

Nguyên đơn Trần Tuấn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Võ Văn N, Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Đăng Phi**